

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY BẮC  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-6-2021  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vi Quốc Thanh, Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc:** Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2021/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 25/5/2021. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp PB, xã PM, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1989 (Xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp HN, xã HKT A, huyện MCB, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Đ trình bày:* anh và chị Nguyễn Thị Ngọc G kết hôn năm 2014 trên cơ sở quen biết, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Khánh Trung A. Sau khi kết hôn, anh chị chỉ hạnh phúc được 01 năm đầu sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị G không tôn trọng anh, nhiều lần chị G gây nộ và anh phải đứng ra trả nộ nhưng chị G không cho anh biết nguyên nhân nộ tiền người khác. Anh chị đã ly thân đến nay khoảng 03 năm, năm 2019 anh từng nộp đơn xin ly hôn nhưng đã rút lại yêu cầu khởi kiện. Nay không còn tình cảm và không thể tiếp tục tình trạng hôn nhân nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị G.

Về nuôi con chung: anh Đ và chị G có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015 hiện đang sống cùng với ông bà ngoại là cha mẹ ruột của chị G. Nếu cháu T giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì anh cũng nhờ cha mẹ ruột chăm sóc con vì anh làm việc và sinh sống ở cơ quan, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc con. Do đó, để cháu T phát triển ổn định, anh yêu cầu cho chị G được trực tiếp nuôi con như nguyện vọng của chị G. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ xác định giữa anh và chị G không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:* chị và anh Nguyễn Trọng Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Khánh Trung A vào năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cách nay 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc, anh Đ còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị không có chứng cứ chứng minh. Vào cuối năm 2019, anh Đ có nộp đơn xin ly hôn với chị nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa anh chị không giải quyết được, nay chị cũng không còn tình cảm với anh Đ, đã ly thân đến nay khoảng 02 năm nên chị G đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được quyền nuôi con vì từ nhỏ cháu G đã sống cùng với chị và cha mẹ ruột của chị cũng hỗ trợ chị chăm sóc con. Chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: chị G xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh, bà Nguyễn Thị Thủy là mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc T cho biết: anh Đ và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh Đ công tác trong quân đội, thường xuyên sống xa nhà nên chị G cùng con chung của anh Đ và chị G là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015 sống cùng vợ chồng bà ở xã Hưng Khánh Trung A. Nay nếu Tòa án cho anh Đ và chị G ly hôn, chị G có nguyện vọng được nuôi con và từ nhỏ đến giờ cháu T cũng do bà chăm sóc nên bà đồng ý hỗ trợ cho chị G trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, thấy rằng anh Đ và chị G thuận tình ly hôn nên căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc G. Về nuôi con chung,

anh Đ và chị G có 01 con chung Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015 từ trước đến nay chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu T về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị G được tiếp tục nuôi con theo sự thỏa thuận của anh chị, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu G mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh Đ và chị G trong cùng vụ án do các đương sự không có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trọng Đ đối với chị Nguyễn Thị Ngọc G, thấy rằng:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Đ và chị G đều xác định giữa anh chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị không còn tình cảm với nhau và ly thân đã lâu. Nay không thể sống với nhau được nữa nên anh Đ yêu cầu ly hôn, chị G đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về nuôi con chung: anh Đ và chị G có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015 và từ trước đến nay đều do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu T, cần tiếp tục giao cháu T cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng như thống nhất giữa anh Đ và chị G. Anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi nên ghi nhận và buộc thực hiện.

Về tài sản chung và về nợ chung: anh Đ và chị G xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Trọng Đ là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng: anh Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc G.

[2] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Ngọc G được trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/5/2015. Anh Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc G khai không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh Nguyễn Trọng Đ phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000634 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Anh Nguyễn Trọng Đ còn phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Khánh Trung A  
(Số 13, ngày 25/02/2014);
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Lăng**